ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2678/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 11 tháng 6 năm 2025*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã Đại Đồng

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Công văn số 2763/BCA-VPB ngày 08/6/2026 của Bộ Công an về việc thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; Công văn số 3410/UBND-KGVX ngày 09/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc báo cáo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo kết quả trên địa bàn xã như sau:

PHẦN 1
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Xã Đại Đồng là một vùng đất có lịch sử lâu đời, được hình thành và phát triển cùng với châu thổ Bắc Bộ, trên cơ sở sáp nhập 03 xã cũ (Đại Đồng, Việt Hưng, Lương Tài) thành xã Đại Đồng mới, bắt đầu chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, với diện tích đất tự nhiên khoảng 25,6km^2, có tổng số 27 thôn, dân số trên 32 nghìn người. Sau khi được sáp nhập, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hướng dẫn chuyên môn sâu sát của các sở, ngành, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đại Đồng đã luôn chung sức đồng lòng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, hợp tác linh hoạt, khắc phục những tồn tại khó khăn, định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trọng tâm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số gắn với các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Hiện nay, toàn xã có 40 cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đang công tác tại các phòng (Văn phòng HĐND-UBND; Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội. 100% cán bộ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức của xã có trình độ Đại học.

Trong thơi gian qua, sự phát triển của các lĩnh vực trong đời sống xã hội và các điều kiện về tự nhiên - xã hội, nguồn lực, tiềm lực đã và đang mang đến những thuận lợi và khó khăn nhất định trong việc triển khai thực hiện các nhiệm

vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn toàn xã.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả trong công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên tới cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị xã; chủ động, hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và những lợi ích tích cực của công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mang lại trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, ... chú trọng tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ đã được giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Hình thức tuyên truyền: Vận dụng, áp dụng linh hoạt các hình thức tuyên truyền, đa dạng, phong phú, nội dung dễ tiếp nhận, dễ hiểu, cụ thể:

- Tuyên truyền, quán triệt thông qua Hội nghị, các buổi sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội xã, các buổi họp chuyên môn của các phòng, ngành, đơn vị xã;

- Tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng (Đài truyền thanh xã, cụm loa truyền thanh thôn, Cổng thông tin điện tử xã, trang fanpage Đại Đồng phát triển và một số nền tảng số tích cực).

- Lồng ghép tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa trong các Hội thi, Hội diễn, Liên hoan văn hóa, văn nghệ quần chúng.

Qua các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, nhằm góp phần cụ thể hóa các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp,

Nhằm triển khai các nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 10/6/2026, UBND xã Đại Đồng đã xây dựng và ban hành tổng số 166 văn bản để triển khai thực hiện các nhiệm vụ,

(Có phụ lục văn bản đã ban hành cụ thể kèm theo)

a) Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành từ ngày 01/7/2025-10/6/2026 trên địa bàn xã

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được nâng lên rõ rệt, tích cực hưởng ứng, đồng hành cùng chính quyền xã trong thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh, ngày càng phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp, người dân, nhất là người cao tuổi đã tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dần xóa bỏ rào cản tâm lý thói quen dùng hồ sơ giấy, tâm lý e ngại tiếp túc và sử dụng nền tảng số. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 92,24%, tăng hơn so với những tháng cuối năm 2025 là 14,34% (cuối năm 2025, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 77,9%).

- Hạ tầng CNTT được đầu tư nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu công việc; đã nâng cấp wifi và hệ thống mạng LAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã, có phân tách rõ đường nguồn phục vụ người dân và doanh nghiệp đến, sử dụng dịch vụ, giao dịch; đường nguồn dành cho cán bộ công chức xử lý nhiệm vụ.

- Đã xây dựng, ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng của trụ sở UBND xã để cán bộ, công chức, viên chức cùng thực hiện; đã xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin mạng, an ninh mạng, bảo mật thông tin xã (năm 2025, xã chưa ban hành).

b) Chuyển biến hiệu quả, cụ thể thực chất đem lại

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân đã có những thay đổi rõ nét về nhận thức, tư duy và hành động thiết thực. Trình độ CNTT của đông đảo cán bộ đã được đồng đều hơn so với thời điểm bắt đầu hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tỷ lệ tổ chức, cá nhân, cán bộ được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ và Email đạt xấp xỉ 100% ,trừ những trường hợp thay đổi tên tổ chức, đổi cơ quan, đơn vị công tác, bị hỏng thiết bị USB, bị quên mật khẩu (tháng 7/2025, có 04/06 cơ quan, đơn vị thuộc xã có chữ ký số tổ chức; có 24/40 công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc xã có chữ ký số và sử dụng chữ ký số công vụ).

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt tăng lên rõ rệt, nhiều người dân đã tích cực dùng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, nhiều hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, nhiều cửa hàng tạp hóa, ... đã sử dụng bản mã quét để thanh toán, có tới khoảng trên 80% dân số đã sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, tăng 20% so với năm 2025 (năm 2025, địa bàn xã ghi nhận khoảng 60% dân số sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt). Hiện nay, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,27%, cao hơn so với năm 2025 là 0,47% (năm 2025, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia là 98,8%).

- Tích cực xây dựng hình ảnh, video đăng trên trang fanpage "Đại Đồng paht triển", trên các nhóm zalo chung, trên Cổng thông tin điện tử xã và niêm yết hướng dẫn tại Trung tâm phục vụ hành chính công thay vì những bộ thủ tục giấy rán niêm yết và những dòng chữ tuyên truyền, hiệu quả của các video tuyên truyền được chia sẻ, lan tỏa mạnh trên các nhóm công việc chung, nhóm của các thôn và người dân.

c) Tồn tại, điểm nghẽn

- Nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT còn thiếu, chủ yếu là làm việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực. Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng bố trí 01 đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về khao học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, CNTT, khối lượng công việc nhiều, thời hạn xử lý ngắn, thường xuyên có nhiệm vụ phát sinh, hỏa tốc,toocsng việc phải xử lý nhiều gấp 3,4 lần trước kia.

- Là một xã có mật độ công ty, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể mỏng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại, vận tải, dịch vụ và công nghiệp còn yếu, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công tác sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ chưa phong phú, chủ yếu gắn với lĩnh vực nông nghiệp, nghề truyền thống (sản phẩm OCOP rượu Hải Tửu, sản phẩm đồng của làng nghề truyền thống).

- Viện ứng ứng những tiến bộ của khoa học vào các lĩnh vực đời sống xã hội còn hạn chế, mới chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, địa phương có ít sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đề nghị Tỉnh xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa phát huy được giá trị, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

2. Về thực hiện các nhiệm vụ được giao

Từ ngày 01/7/2025 - 10/6/2026, tổng số nhiệm vụ cấp xã được giao chủ trì thực hiện là 47 nhiệm vụ, trong đó:

- Số nhiệm đã hoàn thành 37/47 nhiệm vụ (đạt 78,7%).

- Số nhiệm vụ đang triển khai thực hiện (chờ hướng dẫn thực hiện): 10/47 (chiếm 21,3%).

- Đến thời điểm hiện tại chưa phát sinh nghiệm vụ chậm muộn.

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành triển khai các tiêu chí nằm trong 58 tiêu chí chuyển đổi số của Đảng, HĐND, UBND và UMMTTQVN, đảm bảo cơ bản đã hoàn thành.

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, theo phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã rà soát, ban hành .... văn bản góp ý kiến khi được yêu cầu, nhằm đóng góp ý kiến để góp phần đề nghị cấp có thẩm quyền chỉnh sửa, bổ sung, thay thế những nội dung về thể chế, cơ chế chính sách đối với công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về thủ tục hành chính

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc

UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từ ngày 10/9/2025 đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/5/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ HCC là 9.060 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ trực tuyến là 8.357, tỉ lệ 92,24%;
- Số hồ sơ đã giải quyết 8.885 hồ sơ;
+ Hồ sơ đúng hạn: 8.814 hồ sơ, đạt 99,2%;
+ Hồ sơ quá hạn : 64 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,8%;
+ Hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết: 175 hồ sơ.
- Tỷ lệ số hóa kết quả là 98,6%.
- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ: 99,7%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,27%.

2. Về hạ tầng số

- Hạ tầng kết nối số tiếp tục được mở rộng, mạng internet băng rộng cố định, phủ sóng 4G đến 100% số thôn, làng trên địa bàn. Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng cao. 100% người dân trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh có kết nối 3G,4G, đang định hướng phủ sóng 5G. Tỷ lệ hồ sơ công việc trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 100%. Tỷ lệ thực hiện chữ ký số cá nhân của các đồng chí lãnh đạo quản lý đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định). Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 100%. Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế và các cơ sở thôn trên địa bàn xã đã được cấp tài khoản phần mềm quản lý văn bản và điều hành, kết nối đồng bộ, liên thông đạt 100%.

- Cổng thông tin điện tử xã hoạt động ổn định, đã kịp thời cung cấp tin, bài, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy - Hội động nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trong đó bao gồm các mục: Thông tin tuyên truyền; Tin tức - Sự kiện; Chuyển đổi số; Cải cách hành chính; Bầu cử; Văn bản ban hành. Tính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 10/6/2026, đã đăng trược 262 tin, bài phản ảnh tình hình hoạt động các lĩnh vực của xã, trong đó có trên 40 tin, bài về Chuyển đổi số; đã đăng được trên 1000 văn bản chỉ đạo, thực hiện của xã lên Cổng thông tin điện tử.

- UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục tập trung thực hiện Đề án 06 (theo ngành dọc giao nhiệm vụ); tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 82%.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được trang bị thiết bị, hạ tầng công nghệ (06 máy tính, 02 máy phô tô và scan tài liệu, 01 máy scan A4, 06

máy in, 01 máy lấy số tự động kết hợp màn hình hiển thị tra cứu thông tin, 02 màn hình led hiển thị thông tin, 05 màn hình hiển thị số thứ tự, mạng wifi riêng, ...), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Về nền tảng số, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

- Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống báo cáo chính phủ… Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL quốc gia về dân cư, Tư pháp - hộ tịch, đất đai, đăng ký kinh doanh, bảo trợ xã hội, nội vụ,… đảm bảo ứng dụng và kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành, tỉnh triển khai.

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phần mềm dùng chung với sở, ngành chuyên môn. Cơ sở dữ liệu phần mềm giáo dục: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác bán trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ...

4. Về dữ liệu số

- Dữ liệu đất đai: Sổ địa chính, bản đồ địa chính, hoàn thành số hóa 100%, thực hiện két nối với hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh từ tháng 10/2025.

- Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu đất đai: Đã tiếp nhận, xử lý trực tuyến 534/535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,8%;

- Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Đã tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,7%;

- Cơ sở dữ liệu về người có công: Đã tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,5%;

- Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Đã tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

5. Nguồn nhân lực chuyển đổi số

Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 đồng chí Phó trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh; đã ban hành Quyết định thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong thủ tục hành chính; đã tiến hành rà soát nhân lực phụ trách, vận hành Đài truyền thanh xã,...

Ủy ban nhân dân xã đã cử 01 công chức Phòng Văn hóa - Xã hội theo học văn bằng 2, chuyên ngành CNTT do Sở Nội vụ tỉnh tham mưu, triệu tập. Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

40/40 cán bộ, công chức, viên chức đã đáp ứng nhu cầu cơ bản về kỹ năng số, sử dụng chữ ký số, xử lý công việc hồ sơ trên môi trường số.

6. Phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Kinh tế số

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của Việt Nam nói chung và của xã Đại Đồng nói riêng là đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di động, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

Việc xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử là một trong các nhiệm quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế số của xã Đại Đồng. Chính vậy, từ việc cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã đã xác định, việc tuyên truyền, xây dựng và phổ cập thanh toán điện tử tới doanh nghiệp và người dân là một trong các nhiệm vụ cần kíp, là xu thế tất yếu trong thời đại số, từ đó đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn không chỉ tăng cường tuyên truyền mà còn phổ cập tới đông đảo người dân và doanh nghiệp về việc thanh toán điện tử. Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

UBND xã đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền về các hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhua cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số,... Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số, tuy nhiên sự tiếp cận và đổi mới đó còn khiêm tốn, hạn chế.

b) Phát triển xã hội số

Nhằm trang bị cho người dân, người lao động trong các công ty, doanh nghiệp kỹ năng để tương tác với môi trường số, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số khác, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện dấu

hiểu lừa đảo trên mạng, UBND xã ban hành Công văn số 229/UBND-VHXH ngày 29/8/2025 về tham gia khóa học trực tuyến trên nền tảng "Bình dân học vụ số"; Công văn số 446/UBND-VHXH ngày 06/10/2025 về tổ chức triển khai đồng boojphong trào "Bình dân học vụ số", "Ngày hội toàn dân học tập số trên địa bàn xã; Công văn số 462/UBND-VHXH ngày 09/10/2025 về đôn đốc triển khai đồng bộ phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn xã, trong đó cung cấp cho người dân đường link cụ thể về phong trào "Bình dân học vụ số", địa chỉ nền tảng học trực tuyến MOOCs, ... Qua đó, đã tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày, từ kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm trực tuyến an toàn, kỹ năng nhận diện các trang web và dịch vụ lừa đảo

Căn cứ văn bản về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, UBND xã đã có những đề xuất, kiến nghị về việc bố trí cán bộ chuyên ngành CNTT về thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, do hiện nay xã đang thiếu, công chức khác phải kiệm nhiệm. Nên cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của kỷ nguyên công nghệ - kỷ nguyên số.

UBND xã đã cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, phục vụ yêu cầu công việc. Thời gian quan, UBND xã đã cử gần 100 lượt lãnh đạo, công chức, viên chức tham gia 05 lớp tập huấn kiến thức về chuyển đổi số do Sở Nội vụ, Sở khoa học và Công nghệ, Đảng ủy xã Đại Đồng triệu tập.

Đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở Giáo dục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng liên quan đến công tác chuyển đổi số giáo dục; triển khai nâng cấp hệ thống quản lý nhà nước SMAS 4.0 tại các cơ sở giáo dục; đã và đang triển khai tới 08 cơ sở Giáo dục trong xã về việc kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số, tạo lập văn bằng số để cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đạo tạo theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. 100% các trường học đã thực giáo án điện tử, lập bảng điện tử, vận dụng công nghệ AI hiệu quả trong hoạt động dạy và học.

Hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã đã và đang vận dụng, ứng linh linh hoạt CNTT, công nghệ AI, công nghệ số trong hoạt động dạy và học, như: đã sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự PMIS, quản lý thư viện VEMIS, phần mềm công tác absn trú, quản lý kế toán, quản lý thông kê EMIS, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm tuyển sinh, phần mềm "Trường học kết nối", phần mềm Enetviet, phần mềm Micosoft Teams 365, phần mềm Vnedu, phần mềm "Học liệu số đa phương tiện - Digibooks", ứng dụng liên lạc điện tử, ... sử dụng sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, giáo án điện tử, ... Ngoài ra, các cơ sở giáo dục còn sử dụng CNTT trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính, đăng, tải thông tin tuyển sinh, ... Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy và học; tạo ra môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, linh hoạt; góp phần phát triển năng lực và phẩm chất học sinh; giúp học sinh tư duy sáng tạo, phát triển khả năng tự học.

Việc chuyển đổi số lĩnh vực y tế trên địa bàn xã còn nhiều hạn chế, do hạ tầng CNTT chưa đáp ứng, trình độ nhân lực chưa đồng đều, nhận thức và khả năng sử dụng dịch vụ công trong lĩnh vực y tế của người dân còn hạn chế.

IV. VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Tình hình, kết quả đạt được

Đẩy mạnh việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ thông tin trong hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thường xuyên thực hiện, nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, đồng thời nhằm đẩy mạnh ứng dụng kho học công nghệ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thời gian vừa qua, một số mô hình sản xuất, chăn nuôi bước đầu đã và đang tiếp nhận, ứng dụng công nghệ hiệu quả, như: Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Xuân Đào, chuyên trồng các loại hoa, cây dược liệu, cây cảnh, ... trong đó có sản phẩm hoa cúc chi đã ứng dụng công nghệ sấy khô, đóng gói, in nhãn mác, bảo quản,...; Hợp tác xã Sen Việt Hưng, đạt tiêu chuẩn VIETGAP, đã ứng dụng công nghệ sấy khô, công nghệ bảo quản, chế biến hạt sen,... Hợp tác xã dược liệu Sầm Khúc, chuyên về dược liệu, đã ứng dụng công nghệ sinh học trong sấy khô và bảo quản sản phẩm; Trang trại nuôi gà thịt Sầm Khúc, chuyên cung cấp gà thịt ra thị trường, đã ứng dụng công nghệ về chăn nuôi gà, về bảo quản thức ăn chăn nuôi, ... mô hình nuôi cua đồng, nuôi cá trắm đen ở Phả Lê, đã ứng dụng công nghệ chăn nuôi và bảo quản thức ăn chăn nuôi; mô hình sản xuất rượu Hải Tửu ứng dụng công nghệ nấu, bảo quản, đóng chai và rán nhãn mác sản phẩm, làng nghề đúc đồng Lộng Thượng ứng dụng công nghệ đúc khuôn, phủ bóng, nhãn mác thương hiệu sản phẩm. Thời gian tới, xã dự kiến đầu tư hỗ trợ cho các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất như: Mô hình nuôi cá trắm đen thương phẩm theo hướng VietGrap, Chăn nuôi gà ri thương phẩm an toàn sinh học, thâm canh cua đồng thương phẩm ...

Năm học 2025 - 2026, ngành giáo dục xã có tổng số 35 giáo viên tham gia viết sáng kiến với tổng số sáng kiến là 35.

Công tác xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ với các sản phẩm có tính đặc thù, sản phẩm làng nghề chủ lực của địa phương tiếp tục được xã quan tâm, định hướng hoạt động, qua đó tích cực góp phần thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng và gia tăng giá trị kinh tế cho các sản phẩm hàng hóa, đồng thời hướng tới sản xuất theo mô hình tập trung, liên kết chặt chẽ giữa các cá nhân, các hộ kinh doanh cá thể với làng nghề truyền thống. Từ năm 2022-2025, toàn xã có 04 nghệ nhân làng nghề đúc đồng lộng Thượng được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Nghệ nhân làng nghề Việt Nam".

Ủy ban nhân dân xã đã khuyến khích nhân dân trong toàn xã tiếp cận, vận dụng, ứng dụng chuyển giao công nghệ hiện đại vào hoạt động sản xuất tại địa phương, như: vận dụng công nghệ cấy mạ khay vào hoạt động gieo cây lúa tại xã Việt Hưng (cũ); vận động các hộ làng nghề tích cực ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động tạo ra các sản phẩm nghề đúc đồng, các sản phẩm hoa cúc chi, quảng bá sản phẩm, bán hàng online. Hiện nay, nhiều hộ kinh

doanh đã vận dụng, ứng dụng linh hoạt công nghệ đúc khuôn, khai thác tối đa việc đăng, quảng cáo, bán hàng trên các nền tảng mạng xã hội, như: Viber, Zalo, Facebook, ... một số hộ còn khai thác, đăng bài, quảng cáo sản phẩm trên các hội nhóm, như: Hội đúc đồng Lộng Thượng, nhóm bán hàng đồng online khu vực và toàn quốc.

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã luôn phối hợp với các ngành chức năng tỉnh quan tâm, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ, các sản phẩm chủ lực, đầu tư các mô mình sản xuất, kinh doanh, góp phần xúc tiến, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề, sản phẩm nông nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường, từng bước chuyển dịch từ sản xuất nhỏ lẻ, sang sản xuất tập trung, mang lại chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng. Từ năm 2025, 2026, toàn xã có 02 mô hình được chỉ định, hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy phát triển sản phẩm, bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ.

V. VỀ KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CĐS

Sau sáp nhập, giai đoạn đầu hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nguồn kinh phí của xã nói chung còn rất khó khăn, trong năm 2025, tỉnh đã đầu tư một phần kinh phí cho xã để ưu tiên nâng cấp hạ tầng CNTT tại Trung tâm Phục vụ HCC xã, nhằm cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Năm 2026, xã được UBND tỉnh đã duyệt, cấp kinh phí xấp xỉ 2,3 tỷ, trong đó:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;
- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;
- Kinh phí chuyển đổi số Giáo dục: 360 triệu đồng;
- Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

UBND xã Đại Đồng đã cân đối, bố trí kinh phí địa phương 1,2 tỷ đồng dành cho đầu tư, mua sắm trang thiết bị hạ tầng CNTT, máy tính, máy in, ... Hiện tại đang triển khai thực hiện hạ tầng mạng LAN theo chuẩn cấp độ 2 của Bộ Công an và đang triển khai lắp đặt máy móc trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ công chức, viên chức, phục vụ chuyển đổi số.

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, năm 2026 UBND xã đã lập Tờ trình, hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí: 650 triệu đồng.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CĐS: Không.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Hệ thống chính sách, pháp luật và những văn bản dưới Luật về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiện hành, nhất là Luật Khoa học và Công nghệ đã và đang tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, sáng kiến, bảo hộ thành quả lao động của các tập thể, cá nhân, góp phần phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

- Công tác triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND&UBND tỉnh, Đảng ủy xã Đại Đồng và sự hướng dẫn sâu sát về chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyên môn, nhất là đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với tăng trưởng kinh tế trên địa bàn toàn xã.

- Việc thông tin tuyên truyền các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số luôn được đẩy mạnh; UBND xã đã triển khai thực hiện, lồng ghép với các nhiệm vụ chính trị của địa phương và các nhiệm vụ chuyên môn theo từng ngành, lĩnh vực.

- Nhận thức của đông đảo người dân về vai trò, tầm quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang ngày càng được nâng lên rõ rệt.

2. Khó khăn

- Cán bộ chuyên trách về CNTT còn thiếu, chủ yếu là làm việc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, hạ tầng CNTT đang dần được đầu tư, nâng cấp.

- Là một xã có mật độ công ty, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể mỏng, chủ yếu phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại, vận tải, dịch vụ và công nghiệp còn yếu, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công tác sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ chưa phong phú, chủ yếu gắn với lĩnh vực nông nghiệp, nghề truyền thống (sản phẩm OCOP rượu Hải Tửu, sản phẩm đồng của làng nghề truyền thống).

- Viện ứng ứng những tiến bộ của khoa học vào các lĩnh vực đời sống xã hội còn hạn chế, mới chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp, địa phương có ít sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng đề nghị Tỉnh xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chưa phát huy được giá trị, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

PHẦN 2
HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA

Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh, ngày càng phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp, người dân, nhất là người cao tuổi đã tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 92,24%, tăng hơn so với những tháng cuối năm 2025 là 14,34% (cuối năm 2025, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 77,9%).

- Thực trạng khi xã mới hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến thấp, 77,9%.

- Giải pháp: Mỗi cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ, mỗi cán bộ quản lý, mỗi đoàn viên là một tuyên truyền viên, thực hiện tuyên truyền viên; thành lập tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ ứng cứu hỗ trợ nghiệp vụ dịch vụ công trực

tuyên cho nhân dân. Mỗi thôn có 01 Tổ công nghệ số cộng đồng, nhằm xử lý kịp thời phục Nhân dân trong khai thác sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến.

Người dân đã dần xóa bỏ rào cản tâm lý thói quen dùng hồ sơ giấy, tâm lý e ngại tiếp túc và sử dụng nền tảng số.

PHẦN 3
MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

Việc số hóa hồ sơ tài liệu lưu trữ còn gặp hạn chế, cần nguồn kinh phí lớn để triển khai đồng bộ, đảm bảo hiệu quả; việc phát triển kinh tế đem (8) còn chưa phù hợp với những địa phương chưa đủ điều kiện tiềm năng để phát huy các dịch vụ văn hóa - xã hội, thương mại điện tử; tỷ lệ công ty, doanh nghiệp nhỏ và vừa thấp, việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số hạn chế, sản phẩm chủ lực của địa phương còn hạn chế.

Điểm nghẽn về nguồn nhân lực chuyển đổi số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo còn hiện hữu, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT.

Điểm nghẽn về nguồn kinh phí: Kinh phí chi thường xuyên của xã còn hạn chế, chưa đảm bảo được tối thiểu 3%, chưa thực hiện đồng bộ số hóa hồ sơ, tài liệu của xã.

PHẦN 4
NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

Việc vận dụng các nền tảng số hợp pháp, việc quảng bá hình ảnh về mảnh đất, con người, quê hương Đại Đồng đến đông đảo bạn bè trong và ngoài tỉnh và người nước ngoài mà nhiều du khách đã biết đến những di sản tiêu biểu của xã Đại Đồng (chùa Nôm, làng Nôm, ...) đã đến lễ phật, tham quan, vãn cảnh, sử dụng các dịch vụ ăn, uống, mua quà lưu niệm, tăng nguồn thu cho nhân dân địa phương.

Nhờ ứng dụng, vận dụng linh hoạt các mô hình khoa học công nghệ (trồng ngô, khoai, nuôi cá trắm đen, nuôi gà ri, ...) mà những năm trở lại đây người nông dân xã Đại Đồng đã có nguồn thu nhập ổn định từ những sản phẩm nông nghiệp, nhất là những sản phẩm được chứng nhận OCOP, VIETGAP, ...

Từ việc vận dụng các nền tảng mạng hợp pháp tuyên truyền, quảng cáo, bán hàng mà các sản phẩm của làng nghề truyền thống đúc đồng Lộng Thượng, sản phẩm trà hoa cúc chi của hợp tác xã hữu cơ Xuân Đào đã được đông đảo khách hàng biết, tiêu dùng.

PHẦN 5
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã Đại Đồng, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh biết, tổng hợp và chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Thành